TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Ngọc Hóa.**

Ông **Hoàng Thăng Bắc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lý Thị M** (tên gọi khác: Lý Mùi Ph), sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Triệu Quầy D**, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M xây dựng gia đình với anh Triệu Quầy D trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 10/2015, nguyên nhân là hai vợ chồng thường xuyên cãi vã chửi mắng nhau, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm không còn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh D.

Về con chung: Hai vợ chồng chị M và anh D có 02 con chung là Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Triệu Quầy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H cho đến nay không quay lại, hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh D vẫn còn có tình cảm với chị M nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng anh D, chị M có 02 con chung là Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con đang ở cùng anh D. Anh D không nhất trí ly hôn nên không đồng ý chia con. Nếu phải ly hôn thì anh D đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2022 các bên đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về con chung, cụ thể: Chị M và anh D thỏa thuận khi ly hôn giao hai con chung Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai các con chung của chị M và anh D là Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013 trình bày: Khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng sống với bố Triệu Quầy D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án là vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị M:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M được ly hôn anh Triệu Quầy D.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Lý Thị M được phép đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Lý Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Triệu Quầy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M và anh Triệu Quầy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2014. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía chị M trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh D trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng thừa nhận quá trình chung sống có sự mâu thuẫn vợ chồng, có nói nặng lời với chị M. Sau đó chị M đã bỏ về sống ở nhà bố mẹ đẻ chị Minh ở thôn V, xã H, huyện B. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, quá trình sống ly thân không hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh D lại không nhất trí ly hôn và mong muốn được đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị M và anh D, Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn T, xã B, huyện B nơi sinh sống của vợ chồng chị M, anh D sau khi kết hôn thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương chị M, anh D có sự mâu thuẫn vợ chồng nhưng không nhờ thôn hòa giải mâu thuẫn. Từ năm 2015, chị M bỏ đi khỏi nhà và không thấy trở về nữa. Tòa án xác minh ở thôn V, xã H, huyện B nơi chị M đăng ký hộ khẩu thường trú thể hiện: Tháng 10/2015, do hai vợ chồng chị M và anh D có mâu thuẫn vợ chồng nên chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V sinh sống. Sau đó chị M đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, cũng không thấy anh D sang tìm gặp chị M để hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Quá trình chung sống anh D có được mắng chửi chị M, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, quá trình sống ly thân không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh D không chấp hành các giấy triệu tập đến phiên tòa xét xử của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện anh Triệu Quầy D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Lý Thị M. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị M là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng chị M và anh D có 02 con chung là Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013, các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Triệu Quầy D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Triệu Quầy D không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia con chung nhưng nếu phải ly hôn thì anh D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai

con đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Lý Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo tất cả quyền lợi của con chung, con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Cháu Triệu Xuân V và cháu Triệu Xuân Tr hiện nay đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai cháu V và Tr trình bày nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn là được sống với bố Triệu Quầy D. Về điều kiện kinh tế Tòa án đã xác minh tại địa phương thì hộ gia đình anh D thuộc hộ nghèo. Chị M và anh D đều không có việc làm và thu nhập ổn định, trước đây chị M có đi làm công nhân nhưng hiện tại đã xin nghỉ việc ở nhà. Tuy nhiên, cháu V và cháu Tr hiện đang sống với anh D vẫn được anh D trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt. Chị M bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2015 cho đến nay không sinh sống cùng với anh D và các con, không chăm lo cho các con ăn học như vậy là không làm tròn quyền, nghĩa vụ của người mẹ.

Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2022 các bên đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về con chung, cụ thể: Chị M và anh D thỏa thuận khi ly hôn giao hai con chung Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa về con chung chị M vẫn giữ nguyên quan điểm tại phiên hòa giải: Khi ly hôn giao hai con cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lẽ đó cần giao các con chung cho anh D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định của pháp luật. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao 02 con chung cho anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho chị M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị M. Chị Lý Thị M được ly hôn anh Triệu Quầy D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Triệu Xuân V sinh ngày 28/01/2012 và Triệu Xuân Tr sinh ngày 22/9/2013 (các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho anh Triệu Quầy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lý Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lý Thị M phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001051 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự''.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn